



Tạp chí

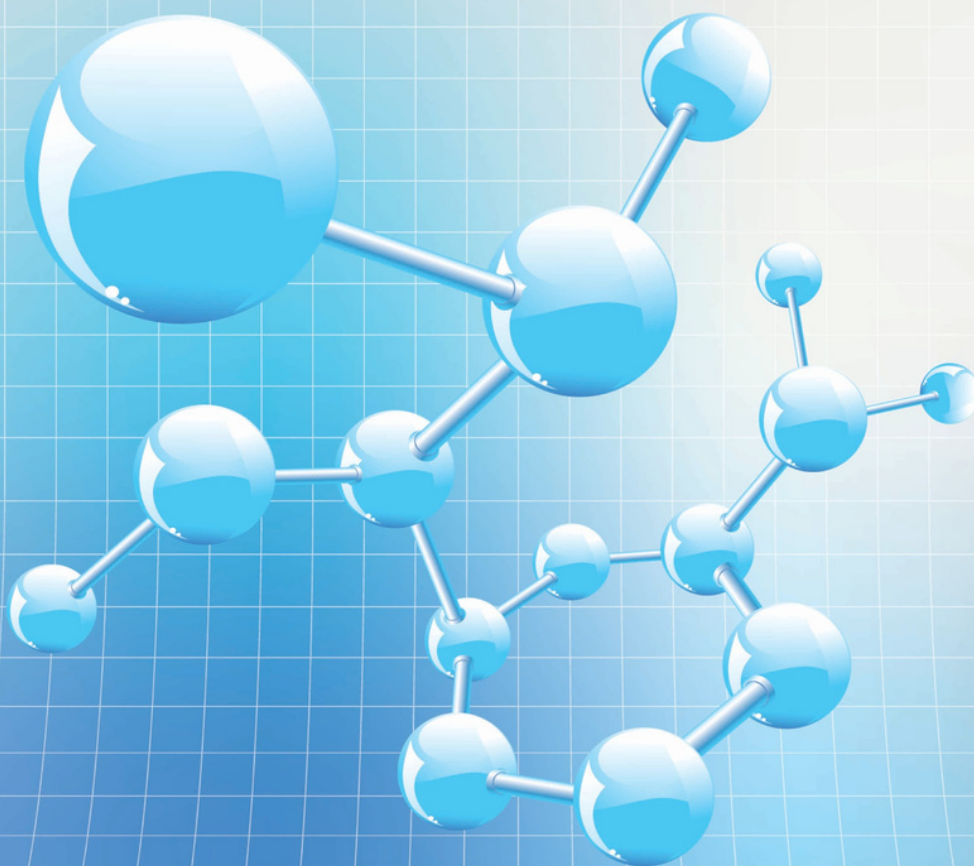
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SẠO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Số 2 (90)

2025

MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	Nguyễn Kế Nghĩa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	7-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	Nguyễn Xuân Trang Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	Nguyễn Tuấn Anh Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	Nguyễn Thị Hiền Oanh Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	Phan Thị Quỳnh Trang Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	Lại Thị Hiếu Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	Nguyễn Hữu Sơn Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	Trần Đăng Sinh¹, Phùng Thị Lý² ¹ Hội triết học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	Nguyễn Duy Thái^{1*}, Nguyễn Thị Hải Hà², Nguyễn Đức Chiện³ ¹ Tạp chí Xã hội học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ ³ Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	Lê Quý Dương^{1*}, Nguyễn Đức Chiện², Ngô Trung Thành³, Đinh Thị Thu Hằng³, Trần Thị Thu Thủy⁴ ¹ Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) ² Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ³ Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam ⁴ Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	Lưu Ngọc Trinh^{1*}, Lê Đăng Minh² ¹ Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải ² Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	Phạm Thị Hồng Hoa¹, Lưu Ngọc Trinh^{2*} ¹ Trường Đại học Sao Đỏ ² Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	Nguyễn Thị Ngọc Mai Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Hoàng Mai¹, Nguyễn Thị Ngọc Mai² ¹ Viện nghiên cứu phát triển du lịch ² Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại² ¹ Trường Đại học Đà Lạt ² Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	Lê Thị Thúy Hà Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	Nguyễn Thị Huế Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	Ngô Thị Luyện Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	Hoàng Thị Hoa Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Thị Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	Vũ Thị Hương Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	Vũ Thị Lý Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	Vũ Thị Thanh Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	Nguyễn Minh Tuấn*, Phạm Thị Hồng Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	Nguyễn Thị Huyền Trang*, Trần Trọng Đức, Lê Khánh Duyên, Nguyễn Tuấn Minh, Nguyễn Hữu Hoàng Phúc, Đinh Thị Hồng Thắm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	Đinh Thị Kim Thiết Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	Đậu Ngọc Linh Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	Hồ Thị Hà Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	Nguyễn Thị Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thị Huyền Trang² ¹ Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II ² Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	Tạ Thị Năm Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	Nguyễn Thị Thuỳ Trinh Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	Nguyễn Thị Hiền Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	Đinh Mạnh Tuấn^{1*}, Lê Thanh Thảo² ¹ Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ ² Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	Nguyễn Thị Hồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TPHCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	Phí Văn Trọng*, Trần Thị Nam Thanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	Nguyễn Thị Huệ Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	Tiêu Thị Thu Ngân*, Nguyễn Phương Linh, Vũ Tuấn Nghĩa Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	Lương Thị Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	Nguyễn Thị Lý Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	Trần Cường, Trần Thị Quý Chinh* Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	Trần Thị Quý Chinh* , Trần Cường , Nguyễn Thị Mai Anh , Phạm Thị Hương Giang Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	Phùng Đặng Diệp Chi , Nguyễn Khánh Ly , Nguyễn Thu Ngân , Phạm Thành Long* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	Nguyễn Văn Lộc , Nguyễn Văn Phương , Phạm Ngọc Hương Quỳnh* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	Nguyễn Minh Phương¹ , Đào Thị Hà Anh^{2*} , Nguyễn Văn Lộc² ¹ Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội ² Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	Phạm Thanh Tùng Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay

Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today

Tiêu Thị Thu Ngân*, Nguyễn Phương Linh, Vũ Tuấn Nghĩa

Trường Đại học Ngoại thương

Email: ngantieu224@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/3/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 18/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD) và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số, Việt Nam đang đối diện với nhiều thách thức trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC). So với các nền kinh tế trong khu vực CA-TBD, Việt Nam sở hữu lực lượng lao động dồi dào, song, chất lượng nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế gắn với quá trình chuyển đổi số. Nhiều quốc gia khu vực CA-TBD hiện đã đầu tư mạnh vào đào tạo nhân lực số. Đó vừa là cơ hội, vừa là thách thức cạnh tranh đối với nhân lực của Việt Nam. Bài viết đi từ đánh giá thực trạng, cơ hội và thách thức để đề xuất các giải pháp phát triển NNLCLC của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Kinh tế số; Nguồn nhân lực chất lượng cao; Nguồn nhân lực số; Châu Á - Thái Bình Dương.

Abstract

In the context of regional integration in the Asia-Pacific and the rapid development of the digital economy, Vietnam faces significant challenges in developing high-quality human resources. Compared to other economies in the Asia-Pacific region, Vietnam has a large labor force; however, the quality of human resources has yet to meet the practical demands associated with digital transformation. Many Asia-Pacific countries have already made substantial investments in digital workforce training, presenting both opportunities and competitive challenges for Vietnam's workforce. This paper assesses the current situation, opportunities, and challenges to propose solutions for developing Vietnam's high-quality human resources in the present context.

Keywords: Digital economy; High-quality human resources; Digital workforce; Asia-Pacific.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển kinh tế số đã trở thành xu hướng tất yếu trên thế giới, nhu cầu cấp thiết và là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (1). Theo Victoria A. Espinel, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc điều hành của BSA, Liên minh phần mềm và đồng chủ tịch Hội đồng tương lai toàn cầu về kinh tế và xã hội số, cho biết nền kinh tế số đã và đang có tác động to lớn đến xã hội và sẽ còn nhiều tác động hơn nữa (2). Bên cạnh đó, nguồn nhân lực lại là nền tảng cho sự thành công và phát triển của một quốc gia, phản ánh sự tiến bộ xã hội, công bằng và tăng trưởng bền vững (3). Đặc biệt, khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang nổi lên như một trung tâm chuyển đổi số mạnh mẽ, với nhiều quốc gia nhanh chóng áp dụng các công nghệ số vào nền kinh tế, là khu vực dẫn đầu thế giới về quy mô và chất lượng nguồn nhân lực, đóng vai trò quan trọng trong tốc độ tăng trưởng và tiềm năng phát triển kinh tế (4). Việt Nam, là một nước nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và đang trong quá trình hội nhập sâu hơn vào khu vực này, có nhiều thuận lợi để tận dụng cơ hội phát triển, thúc đẩy hợp tác, trao đổi nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số và thu hút nhân tài phục vụ sự phát triển đất nước. Theo quyết định 411/QĐ-TTg “Phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, chính phủ đã đặt mục tiêu kinh tế số chiếm 20-30% GDP vào năm 2030, tạo động lực cho các doanh nghiệp đổi mới và ứng dụng công nghệ. Tuy nhiên, một vấn đề quan trọng đặt

ra là nguồn nhân lực của Việt Nam hiện nay có đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế số và hội nhập khu vực hay không? Thực tế cho thấy, mặc dù có lợi thế về lực lượng lao động trẻ (5), nhưng chất lượng nhân lực số của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động khu vực. Việc thiếu hụt kỹ năng số chuyên sâu, khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn, cùng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong khu vực đã đặt ra thách thức lớn đối với Việt Nam (6).

Từ những vấn đề nêu trên, nhóm tác giả chọn vấn đề “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay” cho nghiên cứu này.

2. Mục đích, phương pháp nghiên cứu

**Mục đích nghiên cứu*

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng>NNL CLC tại Việt Nam, bao gồm điểm mạnh và hạn chế, đồng thời, xác định cơ hội, thách thức, trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp, hàm ý chính sách nhằm phát triển>NNL CLC nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số và hội nhập khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Việt Nam.

**Phương pháp nghiên cứu:* bài viết sử dụng một số phương pháp chủ yếu sau:

- Phương pháp phân tích định tính: dựa trên các tài liệu đã thu thập được từ các báo cáo, nghiên cứu trước về các vấn đề có liên quan nội dung của bài viết

- Phương pháp phân tích theo mô hình SWOT: Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với việc phát triển

NNLCLC ở Việt Nam hiện nay gắn với nền kinh tế số.

- Phương pháp so sánh đối chiếu vấn đề phát triển NNLCLC của Việt Nam với một số quốc gia trong khu vực như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản để rút ra bài học kinh nghiệm.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm công cụ

Chuyển đổi số: quá trình chuyển đổi toàn diện từ các mô hình và phương thức hoạt động truyền thống sang các mô hình mới dựa trên công nghệ số và dữ liệu số. Không chỉ đơn thuần là số hóa các quy trình cũ, chuyển đổi số bao gồm việc thiết lập các quy trình mới, tổ chức lại các mô hình hoạt động và cải thiện các phương thức cung cấp dịch vụ. Quá trình này đòi hỏi các tổ chức phải linh hoạt, sáng tạo và sẵn sàng thích ứng với những thay đổi liên tục về công nghệ và xu hướng số hóa để tồn tại và phát triển trong thời đại số.

Kinh tế số: là hệ thống các hoạt động kinh tế dựa trên nền tảng số và các mô hình kinh doanh mới được phát triển từ ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số. Kinh tế số phản ánh sự chuyển đổi của các hoạt động kinh tế theo hướng tích hợp công nghệ và internet, với các đặc điểm chính sau: (i) Thương mại điện tử; (ii) Ứng dụng số trên nền tảng internet; (iii) Quảng cáo trực tuyến; (iv) Điện toán đám mây; (v) Giao dịch tốc độ cao; (vi) Tương tác của người dùng trên internet; (vii) Dịch vụ thanh toán trực tuyến.

Nguồn nhân lực: là toàn bộ số người trong độ tuổi có khả năng lao động, hiểu theo nghĩa rộng, đây là nguồn cung cấp sức lao động cho xã hội; theo nghĩa hẹp, là khả

năng lao động của xã hội, là nguồn lực cho sự nghiệp phát triển xã hội (Tổ chức lao động quốc tế (ILO), 2020).

Nguồn nhân lực số: những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, có các tố chất về trí lực và tâm lực làm việc trong kinh tế số (KTS) và xã hội số (XHS).

Nguồn nhân lực chất lượng cao: trước hết phải là một bộ phận của NNL quốc gia, đó là bộ phận tiên tiến của NNL quốc gia, có trình độ, có kỹ năng nghề nghiệp cao và có năng lực nghề nghiệp, nghĩa là có khả năng thực hiện công việc một cách hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp

Phát triển nguồn nhân lực: là quá trình nâng cao chất lượng, kỹ năng, năng lực và hiệu suất làm việc của người lao động thông qua các hoạt động đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng chuyên môn, cải thiện môi trường làm việc và tạo điều kiện để họ phát huy tối đa tiềm năng, từ đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế của một quốc gia.

Hội nhập quốc tế: một quá trình trong đó các quốc gia ngày càng gắn kết với nhau thông qua các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và khoa học – công nghệ dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thẩm quyền định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế: Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết, giao lưu, hợp tác giữa nền kinh tế quốc gia vào nền kinh tế quốc gia khác hay tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu

3.2. Bối cảnh khu vực CA-TBD tác động đến yêu cầu phát triển NNLCLC gắn với kinh tế số ở Việt nam hiện nay

Các quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang đẩy mạnh phát triển nhân lực để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, tập trung vào kỹ năng số và phát triển nhân tài công nghệ cao. Là một trong số quốc gia đi đầu trong sự phát triển ấy, Trung Quốc thực hiện chiến lược “Made in China 2025” tập trung phát triển AI, dữ liệu lớn và tự động hoá. Hàn Quốc thúc đẩy chương trình “K - Digital training” nhằm nâng cao kỹ năng số cho người lao động. Singapore định hướng trở thành trung tâm công nghệ của khu vực, Nhật Bản tập trung và phát triển nhân lực AI và tự động hoá giải quyết vấn đề già hoá dân số,....

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và sự chuyển đổi mạnh mẽ trong nền kinh tế số, Việt Nam cũng đang phải chịu áp lực lớn từ quá trình hội nhập kinh tế trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Chính phủ Việt Nam đã ban hành các chiến lược quan trọng như “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Tập trung vào các lĩnh vực then chốt như chính phủ số, kinh tế số, và xã hội số. Tỷ lệ lao động có kỹ năng số còn thấp đặc biệt trong các ngành sản xuất dịch vụ truyền thống. Sự mất cân đối giữa cung - cầu lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn đang trở thành những thách thức lớn. Sự phát triển của nền kinh tế số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data),

điện toán đám mây (Cloud Computing) và Internet vạn vật (IoT), đã và đang làm thay đổi sâu sắc cấu trúc của nền kinh tế. Các doanh nghiệp ngày càng ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, tạo ra nhu cầu lớn về nhân sự có kiến thức và kỹ năng số. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nguồn nhân lực vẫn còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp tốc độ phát triển công nghệ. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến năng suất lao động mà còn có nguy cơ khiến Việt Nam tụt lại phía sau so với các nước trong khu vực nếu không có chiến lược đào tạo phù hợp.

Trong bối cảnh trên, Việt Nam cần xây dựng chiến lược phát triển nhân lực chất lượng cao như tăng cường đào tạo kỹ năng số, chương trình giáo dục cần tích hợp với các nội dung AI, dữ liệu lớn, an ninh mạng và thương mại điện tử. Phát triển kỹ năng mềm và tư duy sáng tạo ngoài chuyên môn công nghệ, người lao động cần trang bị khả năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường số hoá. Thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp giáo dục, hệ thống đào tạo nghề cần gắn chặt với các nhu cầu của doanh nghiệp, tạo cơ hội thực tập và học tập thực tiễn. Hỗ trợ đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho lao động hiện tại là yếu tố quan trọng để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ hiện đại. Tận dụng chuyển đổi số vào đào tạo E-Learning, thực tế ảo VR và mô phỏng thực tế có thể mở rộng cơ hội học tập và nâng cao chất lượng đào tạo (7).

Nhìn chung, sự phát triển của kinh tế số và hội nhập khu vực đang tạo ra những yêu cầu đổi mới với nguồn nhân lực tại Việt

Nam. Để tận dụng cơ hội và vượt qua những thách thức, Việt Nam cần tập trung vào cải cách giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng chính sách thu hút nhân tài phù hợp. Chỉ khi có lực lượng lao động chất lượng cao, Việt Nam mới có thể nâng tầm vị thế trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế số.

3.3. Đánh giá nguồn NNLCLC ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực phát triển NNLCLC nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỷ lệ lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên chỉ chiếm khoảng 26-27%, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Ngoài ra, tình trạng “chảy máu chất xám” vẫn là vấn đề lớn khi nhiều lao động trình độ cao lựa chọn làm việc ở nước ngoài thay vì ở Việt Nam. Về nguồn nhân lực số, Việt Nam đang thiếu trầm trọng lao động có kỹ năng công nghệ thông tin, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, mỗi năm Việt Nam thiếu khoảng 190.000 - 200.000 nhân lực công nghệ thông tin và dự kiến cần 3 triệu nhân sự vào năm 2030.

Theo Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA), tính đến năm 2024, cả nước có khoảng 1,5 triệu lao động trong ngành CNTT, trong đó khoảng 500.000 kỹ sư được đào tạo bài bản. Mỗi năm, Việt Nam đào tạo thêm khoảng 50.000 nhân lực CNTT; tuy nhiên, chỉ khoảng 30% trong số này có thể làm việc ngay sau khi

tốt nghiệp, 70% còn lại cần được đào tạo thêm để đáp ứng yêu cầu thực tế (8). Nhân lực số chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, dẫn đến sự mất cân đối trong phân bổ lao động giữa các vùng.

Tuy số lượng lao động có chuyên môn về công nghệ thông tin ngày càng tăng, với 14,1 triệu lao động có bằng cấp, nhưng chỉ vào năm 2023, chiếm 27% tổng số lao động năm đó, nguồn nhân lực số vẫn còn nhiều hạn chế (9). Mặc dù có kiến thức nền tảng, nhiều lao động thiếu kỹ năng thực hành, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và quản lý dự án. Theo VietnamNet, phần lớn nhân sự CNTT Việt Nam có kỹ năng chuyên môn tốt nhưng hạn chế về ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, gây khó khăn khi làm việc trong môi trường quốc tế. Sự chênh lệch trình độ giữa các nhóm lao động cũng là một vấn đề, khi nhân lực tại các tập đoàn lớn có cơ hội tiếp cận công nghệ tiên tiến, trong khi nhân sự tại các doanh nghiệp nhỏ thường bị tụt hậu.

Như vậy, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân lực số nhưng chưa đáp ứng nhu cầu thị trường. Số lượng lao động tăng nhưng chất lượng chưa đồng đều, đặc biệt là kỹ năng thực hành và tư duy sáng tạo. Nhân lực số còn thiếu hụt, trong khi nhiều lao động cần đào tạo thêm. Sự chênh lệch trình độ và phân bổ lao động giữa các khu vực cũng là thách thức lớn.

Việt Nam có lợi thế về nguồn nhân lực số nhờ lực lượng lao động dồi dào, đứng thứ ba Đông Nam Á (10). Với dân số trẻ và

tỷ lệ tiếp cận công nghệ cao, lao động Việt Nam có khả năng thích nghi nhanh với các xu hướng số hóa và công nghệ mới. Tinh thần học hỏi, chăm chỉ và khéo léo giúp người lao động Việt Nam được đánh giá cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Ngoài ra, chi phí lao động cạnh tranh so với các nước trong khu vực cũng là một lợi thế giúp Việt Nam thu hút các công ty công nghệ và gia công phần mềm. Chính phủ cũng đẩy mạnh đầu tư vào đào tạo công nghệ số, thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp và trường học, tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường và hội nhập kinh tế số toàn cầu.

Mặc dù có số lượng lao động lớn, chất lượng nguồn nhân lực số của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Theo Ngân hàng Thế giới, chất lượng lao động Việt Nam xếp thứ 11/12 quốc gia châu Á, thấp hơn nhiều nước trong khu vực. Kỹ năng thực tế, tư duy sáng tạo và ngoại ngữ của lao động Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, khiến 70% sinh viên CNTT cần đào tạo lại (11). Ngoài ra, sự chênh lệch trong tiếp cận công nghệ giữa các doanh nghiệp lớn và nhỏ, cũng như mất cân đối trong phân bổ lao động giữa thành thị và nông thôn, làm giảm tính cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường lao động số.

4.4. Cơ hội và sự cạnh tranh đối với>NNLCLC của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập CATBD

Việt Nam đang đứng trước những cơ hội lớn để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế số trong bối cảnh

hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Trước hết, đây là khu vực đi đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, số hóa; là thị trường thương mại điện tử lớn nhất thế giới khi kinh tế số chiếm tới 65% sản lượng kinh tế toàn khu vực, sự bùng nổ của công nghệ số trong khu vực, với các nền kinh tế tiên phong như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore, tạo điều kiện để Việt Nam học hỏi, tiếp thu tri thức và công nghệ tiên tiến (12). Ngoài ra, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và RCEP mở ra cơ hội hợp tác, trao đổi lao động, nâng cao trình độ kỹ năng số: CPTPP giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ và tri thức từ các nền kinh tế phát triển, trong khi RCEP thúc đẩy thương mại điện tử và dịch vụ số. Chính phủ Việt Nam cũng đang đẩy mạnh chính sách chuyển đổi số và phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu mới. Nếu tận dụng tốt những cơ hội này, Việt Nam có thể nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và tăng cường vị thế cạnh tranh trong khu vực.

Tuy nhiên, cũng trong bối cảnh các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương tích cực đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, Việt Nam đang đối diện với nhiều thách thức trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của lực lượng lao động:

Trước hết, Việt Nam đang bị tụt hậu trong cuộc đua phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao. Các quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản đã xác định giáo dục và đào tạo nhân

lực chất lượng cao là quốc sách, đầu tư mạnh vào hệ thống giáo dục và nghiên cứu, đảm bảo nguồn lao động có trình độ cao và kỹ năng chuyên môn tốt (13). Trong khi đó, tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam vẫn ở mức thấp (14), khiến khoảng cách về kỹ năng số giữa lao động Việt Nam và các nước tiên tiến trong khu vực ngày càng rộng.

Bên cạnh đó, cạnh tranh trong việc thu hút nhân tài số giữa các quốc gia trong khu vực đang diễn ra quyết liệt, trong khi Việt Nam chưa có chiến lược hiệu quả để thu hút và giữ chân nhân tài (15). Các quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản đã triển khai nhiều chính sách đãi ngộ hấp dẫn, như mức lương cao, môi trường làm việc hiện đại, các khoản hỗ trợ tài chính, bảo hiểm, nhà ở và cơ hội phát triển nghề nghiệp rõ ràng để thu hút nhân tài trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Trung Quốc thực hiện chiến lược "Liên kết người Hoa toàn cầu", đưa ra các chính sách ưu đãi về lương, thưởng, nhà ở và bảo hiểm y tế để thu hút trí thức Hoa kiều về nước làm việc (16).

Trong bối cảnh xu hướng "chảy máu chất xám" đang gia tăng, Việt Nam cần những chính sách đổi mới để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao có thể ở lại và đóng góp cho đất nước.

4. TRAO ĐỔI HÀM Ý GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN>NNLCLC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số, Việt Nam cần một chiến lược phát

triển toàn diện và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia tiên tiến trong khu vực.

Trước hết, cải cách giáo dục và đào tạo là ưu tiên hàng đầu. Việt Nam cần đổi mới chương trình giảng dạy theo hướng thực tiễn, tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp và trường đại học để đào tạo nhân lực có kỹ năng phù hợp với yêu cầu thị trường. Các quốc gia như Singapore và Hàn Quốc đã thành công nhờ mô hình giáo dục kết hợp với doanh nghiệp, thực tập có trả lương và đào tạo dựa trên dự án thực tế. Việt Nam có thể học hỏi mô hình này để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ngay, giảm tỷ lệ lao động phải đào tạo lại.

Thứ hai, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm nâng cao năng lực sáng tạo của lao động Việt Nam. Hiện tại, tỷ lệ đầu tư R&D của Việt Nam còn thấp, trong khi Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đã xây dựng các quỹ đầu tư công – tư để phát triển công nghệ mới. Nhà nước cần khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đồng thời có chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, phát triển kỹ năng số và ngoại ngữ để tăng khả năng cạnh tranh của lao động Việt Nam trong môi trường quốc tế. Hiện nay, nhân lực CNTT có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt còn hạn chế, trong khi các nước như Ấn Độ và Philippines đã thành công trong xuất khẩu dịch vụ công nghệ nhờ lợi thế ngoại ngữ. Việt Nam cần thúc đẩy các chương trình đào tạo tiếng Anh chuyên ngành, khuyến khích học tập

qua các nền tảng số và phát triển các chứng chỉ kỹ năng số quốc tế.

Thứ tư, xây dựng chính sách thu hút và giữ chân nhân tài để đối phó với xu hướng “chảy máu chất xám”. Trong khi các nước như Singapore và Trung Quốc có chính sách đãi ngộ hấp dẫn với nhân tài công nghệ, Việt Nam cần xây dựng hệ sinh thái làm việc thuận lợi hơn, bao gồm chế độ lương thưởng cạnh tranh, hỗ trợ nhà ở, môi trường làm việc sáng tạo và cơ hội phát triển nghề nghiệp rõ ràng.

Cuối cùng, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nguồn nhân lực để tối ưu hóa việc phân bổ lao động. Việt Nam cần ứng dụng công nghệ AI và dữ liệu lớn để phân tích nhu cầu thị trường lao động, kết nối doanh nghiệp với nhân sự phù hợp, giảm sự mất cân đối giữa các vùng miền.

Nếu thực hiện đồng bộ các chiến lược này, Việt Nam không chỉ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số mà còn cải thiện vị thế cạnh tranh trong khu vực Châu Á -

Thái Bình Dương, tận dụng tối đa cơ hội từ nền kinh tế số.

5. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam.

Dù có lợi thế về dân số trẻ và tinh thần học hỏi, Việt Nam vẫn đối mặt với thách thức như thiếu hụt nhân lực công nghệ và khoảng cách đào tạo - thực tiễn.

Việt Nam cần cải cách giáo dục, đầu tư R&D, nâng cao kỹ năng số, thu hút nhân tài và chuyển đổi số để phát triển nguồn nhân lực số cạnh tranh.

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Tiêu Thị Thu Ngân*, Nguyễn
Phương Linh, Vũ Tuấn Nghĩa
Trường Đại học Ngoại thương
Email: ngantieu224@gmail.com
SĐT: 0364116091



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 2 (90)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.